TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41 /2018/DS- ST
Ngày: 26 – 9 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Bình
2. Ông Nguyễn Xuân Vinh

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST – DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST – DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Thái Y, sinh năm 1970

Nơi cư trú: khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:*

1/. Ông Lưu Đình C, sinh năm 1972

Nơi cư trú: xóm 12B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2/. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1986

Nơi cư trú: xóm 12B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T – Luật sư văn phòng luật sư C, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lưu Đình C và bà Nguyễn Thị Hồng L.

- *Người làm chứng:* Ông Đinh Văn H, sinh năm 1979

Nơi cư trú: khối 11, phường M, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Đặng Thái Y trình bày:

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, ông và ông Lưu Đình C có bàn bạc rủ nhau vào Sài Gòn thi công công trình trạm biến áp 110kW H cho Công ty H. Ngày 25 tháng 5 năm 2018, ông C nói hiện nay ngoài nhà đang có món nợ nóng cần phải trả và nhờ ông

đứng ra vay của Công ty H số tiền là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*. Đến 14 giờ10 phút ngày 30 tháng 5 năm 2018, ông Lê Thành T là Giám đốc công ty H có số tài khoản: 14010000423926 chuyển vào tài khoản của ông số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*. Sau đó, vào lúc 14 giờ 40 phút cùng ngày, ông đã chuyển vào tài khoản số: 56610000173483 của bà Nguyễn Thị Hồng L (là vợ của ông C) số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng),* qua Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh thành V, Phòng giao dịch N. Sau đó ông C có xác nhận với ông là vợ đã nhận được tiền. Khi vay tiền giữa ông và ông C chỉ nói bằng miệng, không lập giấy vay, không xác định thời hạn trả nợ và lãi suất vay, nhưng có giấy chi tiết giao dịch chuyển tiền của Ngân hàng.

Vào ngày 05 tháng 6 năm 2018, ông C báo với ông có việc ở Sài Gòn và xin nghỉ một hôm nhưng sau đó ông C bỏ về quê và không trở lại công trường nữa. Ông đã liên lạc rất nhiều lần với ông C để đòi số tiền trên nhưng lúc đầu ông C còn hứa hẹn, sau đó tắt điện thoại và không nghe máy nữa. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Lưu Đình C và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông số tiền đã vay là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng*) mà ông đã chuyển vào tài khoản của bà L vào ngày 30 tháng 5 năm 2018; không yêu cầu tiền lãi.

Về việc ông C trình bày số tiền trên là ông trả nợ tiền thi công công trình Trạm điện P là không đúng; lý do: Năm 2017, ông C có thi công xây dựng công trình Trạm điện P cho ông với tổng giá trị thi công là 415.500.000 đồng *(bốn trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng)*. Nhưng ông đã thanh toán cho ông C 405.700.000 đồng, cụ thể: cho ông C tạm ứng tiền mặt: 277.200.000 đồng; tiền ăn: 42.000.000 đồng; tiền dụng cụ: 8.100.000 đồng; tiền sửa chữa: 17.000.000 đồng; tiền sơn: 13.500.000 đồng; tiền công nhật địa phương: 5.400.000 đồng; tiền nợ quán: 1.000.000 đồng; trừ chi phí 10%: 41.500.000 đồng; như vậy ông chỉ còn nợ ông C: 9.800.000 đồng *(Chín triệu tám trăm nghìn đồng)*. Còn việc ông C trình bày ông vay ông C15.000.000 đồng là không đúng; ông C có đưa cho ông 5.000.000 đồng nhưng đó là tiền ông C cảm ơn ông chứ không phải ông vay ông C.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Lưu Đình C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C là bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2018, ông Đặng Thái Y đã chuyển vào tài khoản số 56610000173483 của bà Nguyễn Thị Hồng L (là vợ của ông Chung) số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*, đó là số tiền ông Y chuyển trả nợ cho ông C, chứ không phải ông C vay ông Y. Lý do: Vào năm 2017, ông C đã thi công cho ông Yên công trình Trạm điện P, tổng giá trị là: 415.500.000 đồng *(bốn trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng)*. Đến thời điểm hiện nay, ông Y mới thanh toán cho ông C tổng cộng số tiền 354.890.100 đồng *(ba trăm năm mươi tư triệu tám trăm chín mươi nghìn một trăm đồng);* cụ thể là: Tiền chuyển khoản: 144.990.100 đồng; tiền lương: 50.000.000 đồng; tiền anh Đinh Văn H nhận: 20.000.000 đồng; tiền xe: 11.000.000 đồng; tiền ăn: 42.000.000 đồng; tiền sửa chữa: 17.000.000 đồng; tiền sơn: 13.500.000 đồng; tiền công địa phương: 5.400.000 đồng; tiền ăn quán: 1.000.000 đồng; tiền chuyển vào tài khoản vợ ông là bà Loan: 50.000.000 đồng. Như vậy, cho đến nay ông Y vẫn còn nợ ông C tiền thi công công trình trên là: 60.609.900 đồng *(Sáu mươi triệu, sáu trăm linh chín nghìn, chín trăm đồng)*.

Ngoài ra, ông Y còn vay tiền mặt của ông C là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền đến nay ông Y vẫn còn nợ ông C là 75.609.900 đồng, nhưng ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác. Do vậy, ông C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Yên.

Đối với số tiền ông Y khai gồm: tiền ông C phải trích 10% là 41.150.000 đồng cho ông Y là không đúng, vì giữa ông C và ông Y hoàn toàn không có thỏa thuận trích phần trăm cho ông Y. Tiền khấu hao dụng cụ 8.100.000 đồng là của toàn bộ công trường, chứ ông C không phải chịu khoản tiền này. Khoản tiền mặt ông Y khai ông C nhận 277.200.000 đồng là không đúng mà ông C chỉ nhận 214.990.100 đồng (trong đó tiền chuyển khoản 144.990.100 đồng, tiền phát lương 50.000.000 đồng, tiền anh Hạnh nhận 20.000.000 đồng như đã trình bày ở trên).

Bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Vào năm 2017, chồng bà là ông Lưu Đình C đã thi công cho ông Đặng Thái Y công trình Trạm điện P. Thời gian thi công bà cùng làm với chồng. Sau khi thi công xong công trình, hai bên đã tiến hành tính toán và chồng bà cho biết ông Y còn nợ chồng bà tiền thi công tại công trình trên. Số tiền nợ bao nhiêu thì bà không được rõ. Vào sáng ngày 30 tháng 5 năm 2018, ông C đã gọi điện cho bà và nói chuyển số tài khoản của bà cho ông Y để ông Y chuyển tiền trả nợ. Ngay sau đó, bà đã chuyển số tài khoản của bà là: 56610000173483 vào số điện thoại của ông C để chuyển cho ông Y. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì ông Y đã chuyển vào tài khoản của bà số tiền là 50.000.000 đồng. Khoảng 3 – 4 ngày sau khi ông Y chuyển tiền, bà đã rút toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng do ông Y chuyển đến tài khoản của bà và giao lại số tiền trên cho ông C. Như vậy, số tiền 50.000.000 đồng là ông Y trả nợ cho chồng bà chứ không phải tiền chồng bà vay ông Y. Nay, ông Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà phải trả cho ông Yên số tiền 50.000.000 đồng mà ông Y đã chuyển vào tài khoản của bà vào ngày 30/5/2018 là không đúng, bà không chấp nhận.

3. Trong lời khai ngày 11 tháng 9 năm 2018, người làm chứng là ông Đinh Văn H trình bày: Năm 2017, khi ông C thi công công trình Trạm điện P, ông là người làm kỹ thuật và quản lý công nhân trên công trường cho ông C. Trong quá trình thi công, được sự đồng ý của ông C, ông đã nhận tại ông Y số tiền 20.000.000 đồng để cho anh em công nhân của ông C ứng lương. Ngoài ra, vào tháng 3 năm 2018, ông và ông C có đến gặp ông Yên để đòi tiền ông Y còn nợ công trình trên. Ông Y có đưa ra 01 quyển sổ để tính toán, sau đó ông có nghe ông Yên nói còn nợ ông C 54.000.000 đồng, nhưng ông Y chưa trả cho ông C.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 của Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu của nguyên đơn là ông Đặng Thái Y về việc yêu cầu ông Lưu Đình C và bà Nguyễn Thị Hồng L trả số tiền 50.000.000 đồng, là số tiền ông Y đã chuyển vào tài khoản của bà L vào ngày 30 tháng 5 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhaanh định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay, do đó đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lưu Đình C và bà Nguyễn Thị Hồng L đều thừa nhận vào ngày 30 tháng 5 năm 2018, ông Đặng Thái Y đã chuyển vào tài khoản số 56610000173483 của bà L (Là vợ của ông C) số tiền 50.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Ông Y cho rằng số tiền 50.000.000 đồng trên là ông C vay ông Y. Nhưng ông C và bà L khẳng định đây là số tiền ông Y đã trả nợ tiền thi công Trạm điện P cho ông C. Do vậy, Hội đồng xét xử kiểm tra, xem xét việc thanh toán tiền thi công công tình Trạm điện P giữa ông C và ông Y. Căn cứ đơn trình bày ngày 31 tháng 8 năm 2018 và các chứng cứ do ông Y giao nộp cho Tòa án cũng như lời trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm thì ông Y và ông C đã thống nhất: năm 2017 ông C đã thi công công trình Trạm điện P thông qua nhận việc từ ông Y, tổng giá trị công trình đã thi công là 415.500.000 đồng.

Về phía ông Y trình bày ông đã trả cho ông C 405.700.000 đồng, cụ thể:Tạm ứng tiền mặt: 277.200.000 đồng; tiền ăn: 42.000.000 đồng; tiền dụng cụ: 8.100.000 đồng; tiền sửa chữa: 17.000.000 đồng; tiền sơn: 13.500.000 đồng; tiền công nhật địa phương: 5.400.000 đồng; tiền nợ quán: 1.000.000 đồng; trừ chi phí 10%: 41.500.000 đồng; ông Yên chỉ nợ ông Chung 9.800.000 đồng.

Ông Chung chỉ thừa nhận số tiền ông Yên thanh toán cho ông Chung là 354.890.100 đồng, cụ thể: Tiền chuyển khoản: 144.990.100 đồng; tiền phát lương: 50.000.000 đồng; tiền anh Đinh Văn Hạnh nhận: 20.000.000 đồng; tiền xe: 11.000.000 đồng; tiền ăn: 42.000.000 đồng; tiền sửa chữa: 17.000.000 đồng; tiền sơn: 13.500.000 đồng; tiền công nhật địa phương: 5.400.000 đồng; tiền ăn quán: 1.000.000 đồng; tiền chuyển vào tài khoản bà Loan ngày 30 tháng 5 năm 2018 là 50.000.000 đồng.

Như vậy, các khoản tiền ông C không thừa nhận là: Tiền trích hoa hồng cho ông Yên 10% tổng giá trị thi công bằng 41.500.000 đồng; tiền khấu hao dụng cụ lao động là 8.100.000 đồng; trong số tiền mặt ông Yên trình bày ông C đã nhận 277.200.000 đồng, nhưng ông C chỉ thừa nhận đã nhận 214.990.100 đồng (trong đó tiền chuyển khoản 144.990.100 đồng, tiền phát lương 50.000.000 đồng, tiền anh H nhận 20.000.000 đồng); tổng cộng số tiền mà ông C không thừa nhận đã nhận của ông Y là: 110.609.900 đồng. Đến ngày 30 tháng 5 năm 2018, ông Yên đã chuyển khoản 50.000.000 đồng vào tài khoản bà L, số tiền còn lại là 60.609.900 đồng. Ông Y không có chứng cứ để chứng minh giữa ông Y và ông C thỏa thuận trích tiền hoa hồng cho ông Y 10% cũng như chứng cứ trong số tiền mặt mà ông C không thừa nhận đã nhận của ông Y. Mặt khác, tại hai trang giấy phô tô từ quyển sổ của ông Y ghi vào ngày 03

tháng 3 năm 2018 do ông Y xuất trình cho Tòa án, được ông Y ký và thừa nhận thì thể hiện ông Y vẫn còn nợ ông C 54.300.000 đồng. Chứng cứ này hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Đinh Văn H. Ngoài ra, trong số tiền 15.000.000 đồng ông C khai ông Yên vay thì ông Y cũng thừa nhận đã nhận của ông C 5.000.000 đồng.

Mặt khác, trong giấy giao dịch chuyển tiền qua Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T, Phòng giao dịch N ngày 30 tháng 5 năm 2018 không thể hiện nội dung ông C vay tiền của ông Y. Ông Y không có giấy tờ gì khác liên quan đến việc ông C vay số tiền trên. Do vậy không có cơ sở xác định số tiền 50.000.000 đồng ông Y đã chuyển vào tài khoản của bà L ngày 30 tháng 5 năm 2018 là tiền ông C vay ông Y.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thái Y về việc buộc ông Lưu Đình C và bà Nguyễn Thị Hồng L phải trả số tiền 50.000.000 đồng mà ông Y đã chuyển vào tài khoản của bà L vào ngày 30 tháng 5 năm 2018.

[3]. Về những vấn đề khác: Đối với số tiền ông C cho rằng ông Y còn nợ tiền thi công công trình Trạm điện P, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Ông C có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí: Vì yêu cầu của ông Đặng Thái Y không được chấp nhận nên ông Yên phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thái Y đòi ông Lưu Đình C và bà Nguyễn Thị Hồng L trả số tiền 50.000.000 đồng mà ông Y đã chuyển vào tài khoản số 56610000173483 của bà L vào ngày 30 tháng 5 năm 2018.

- *Về án phí:* Ông Đặng Thái Y phải chịu 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* ông Yên đã nộp theo biên lai số 0004330 ngày 08 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; ông Y còn phải nộp 1.250.000 đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

- *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phong

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện Nghi Lộc;
- Hồ sơ vụ án; Lưu VPTA.